



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ
GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TINH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47 /CV-BXMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Về việc công bố báo cáo tài chính năm
2018 đã được kiểm toán

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: **Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây**
2. Mã chứng khoán: **WCS**
3. Trụ sở chính: 395, Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân, TP.HCM
4. Điện thoại: (028) 38776594 Fax: (028) 38752853
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Văn Thành** – người được ủy quyền công bố thông tin.
6. Nội dung công bố thông tin:
Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Bến Xe Miền Tây đã được kiểm toán ký ngày 11/3/2019 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
7. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán tại địa chỉ: www.bxmt.com.vn hoặc đường link <http://bxmt.com.vn/co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCHC.

NGUYỄN VĂN THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 30

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần ba vào ngày 26 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (028) 3 877 6594
- Fax : (028) 3 875 2853

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Thành viên
Ông Trần Văn Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Nguyễn Nguyễn Huân	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ từ nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban	
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Giao Thuý	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2018
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 26/04/2018

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Thừa	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH MINH
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.607.967.778	263.095.326.047
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.863.948.714	10.068.650.056
Tiền	111		16.863.948.714	10.068.650.056
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		241.723.000.000	212.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	241.723.000.000	212.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.414.442.858	37.294.053.051
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	10.658.330.642	4.865.800.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.123.602.165	402.683.584
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	3.632.510.051	2.025.569.016
Hàng tồn kho	140	5.7	117.589.272	38.649.600
Hàng tồn kho	141		117.589.272	38.649.600
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.488.986.934	3.493.973.340
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	-	92.106.300
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	2.488.986.934	3.401.867.040
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.762.092.481	20.399.928.748
Tài sản cố định	220		20.721.193.391	15.645.646.024
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.600.593.391	15.484.846.024
Nguyên giá	222		69.317.372.606	59.511.726.729
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.716.779.215)	(44.026.880.705)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	120.600.000	160.800.000
Nguyên giá	228		2.902.189.390	2.902.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.781.589.390)	(2.741.389.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240		610.259.308	4.524.059.394
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	610.259.308	4.524.059.394
Tài sản dài hạn khác	260		430.639.782	230.223.330
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	430.639.782	230.223.330
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		328.370.060.259	283.495.254.795

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.114.407.786	41.937.346.033
Nợ ngắn hạn	310		33.774.854.747	37.666.250.836
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	1.110.507.776	63.000.258
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	724.386	19.217.278
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.332.768.237	4.400.839.447
Phải trả người lao động	314		14.509.589.658	19.661.029.093
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	36.447.855	84.464.257
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	7.688.618.112	6.235.564.150
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	5.096.198.723	7.202.136.353
Nợ dài hạn	330		4.339.553.039	4.271.095.197
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	3.739.553.039	3.471.095.197
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.18	600.000.000	800.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		290.255.652.473	241.557.908.762
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	290.255.652.473	241.557.908.762
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		86.345.812.880	73.047.645.702
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.909.839.593	143.510.263.060
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		143.510.263.060	110.131.942.449
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		35.399.576.533	33.378.320.611
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		328.370.060.259	283.495.254.795

LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		132.393.017.683	127.579.402.187
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	132.393.017.683	127.579.402.187
Giá vốn hàng bán	11	6.2	57.897.905.528	54.340.036.371
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.495.112.155	73.239.365.816
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.462.931.082	12.282.574.420
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	12.139.120.974	12.271.859.320
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.818.922.263	73.250.080.916
Thu nhập khác	31	6.5	3.516.884.669	4.421.624.822
Chi phí khác	32	6.6	55.561.877	-
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	40		3.461.322.792	4.421.624.822
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		83.280.245.055	77.671.705.738
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	16.789.409.166	15.668.428.471
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		66.490.835.889	62.003.277.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	21.979	20.245

LÊ NGỌC ĐOAN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	83.280.245.055	77.671.705.738
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.090.230.136	4.211.509.169
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	-	-
Chi phí lãi vay	05	(17.643.401.024)	(12.319.001.692)
Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	07	(200.000.000)	200.000.000
(Tăng), giảm các khoản phải thu	08	70.527.074.167	69.764.213.215
(Tăng), giảm hàng tồn kho	09	(5.083.689.701)	(1.307.573.129)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(78.939.672)	6.745.200
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	(8.289.692.373)	303.636.567
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	12	(108.310.152)	11.415.109
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(16.129.068.447)	(15.397.256.417)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
	17	(8.657.319.134)	(8.551.782.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	32.180.054.689	44.829.397.781
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.381.337.055)	(5.953.973.459)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	12.449.942	36.427.272
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(320.923.000.000)	(212.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	291.400.000.000	153.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.507.131.082	10.395.524.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.384.756.031)	(54.722.021.767)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	6.795.298.658	(14.892.623.986)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	10.068.650.056	24.961.274.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	16.863.948.714	10.068.650.056

LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập biểu

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC THỪA
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần ba vào ngày 26 tháng 06 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 169 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 175 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị văn phòng	03 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm phát sinh. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.**
- **Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.**
- **Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.10 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1 - 3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Quận 8	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	Việt Nam	Cổ đông lớn

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	1.120.251.943	1.631.771.744
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	15.743.696.771	8.436.878.312
	<u>16.863.948.714</u>	<u>10.068.650.056</u>

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Bến Thành	26.623.000.000	26.623.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tây Sài Gòn	73.500.000.000	73.500.000.000	66.000.000.000	66.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	17.000.000.000	17.000.000.000	15.900.000.000	15.900.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn	99.500.000.000	99.500.000.000	98.000.000.000	98.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Tân	25.100.000.000	25.100.000.000	12.300.000.000	12.300.000.000
	<u>241.723.000.000</u>	<u>241.723.000.000</u>	<u>212.200.000.000</u>	<u>212.200.000.000</u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 09 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 6,36% - 7,2%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	156.353.718	157.944.818
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	26.086.000	-
Các tổ chức khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang FutaBusLines	6.731.140.529	3.357.949.738
Các khách hàng khác	3.744.750.395	1.349.905.895
	<u>10.658.330.642</u>	<u>4.865.800.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Tư vấn Sài Gòn	-	101.340.537
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công nghiệp và Dân dụng	-	99.894.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Xây dựng Châu Á Thái Bình Dương	1.021.416.461	124.900.000
Các nhà cung cấp khác	102.185.704	76.549.047
	1.123.602.165	402.683.584

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000

(*) Là số dư của hợp đồng cho vay vốn số 10/HĐVV-SC ngày 26 tháng 04 năm 2018, được chuyển từ số dư nợ vay của Hợp đồng số 14/HĐVV-SC ngày 28 tháng 04 năm 2017.

- Thời hạn cho vay từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019.
- Lãi suất cho vay 0,542%/ tháng tương đương 6,5%/ năm. Lãi suất cho vay sẽ thay đổi phù hợp với quy định lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan – Lãi cho vay				
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	168.020.000	-	160.270.000	-
Phải thu khác -Tiền thưởng	657.167.937	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	2.088.572.114	-	1.337.799.016	-
Tạm ứng nhân viên	718.750.000	-	527.500.000	-
	3.632.510.051	-	2.025.569.016	-

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.534.000	-	36.816.000	-
Hàng hóa	32.055.272	-	1.833.600	-
	117.589.272	-	38.649.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	-	92.106.300
	<u>-</u>	<u>92.106.300</u>

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phần mềm diệt virus Kaspersky	2.308.500	11.542.500
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	428.331.282	218.680.830
	<u>430.639.782</u>	<u>230.223.330</u>

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	52.684.975.643	5.001.178.537	1.170.445.455	655.127.094	59.511.726.729
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.134.050.778	37.450.000	-	-	10.171.500.778
Giảm do thanh lý	(365.854.901)	-	-	-	(365.854.901)
Tại ngày 31/12/2018	<u>62.453.171.520</u>	<u>5.038.628.537</u>	<u>1.170.445.455</u>	<u>655.127.094</u>	<u>69.317.372.606</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	39.576.640.547	3.779.388.910	107.290.832	563.560.416	44.026.880.705
Khấu hao trong năm	4.269.617.446	629.134.822	117.044.544	34.233.324	5.050.030.136
Giảm do thanh lý	(360.131.626)	-	-	-	(360.131.626)
Tại ngày 31/12/2018	<u>43.486.126.367</u>	<u>4.408.523.732</u>	<u>224.335.376</u>	<u>597.793.740</u>	<u>48.716.779.215</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	13.108.335.096	1.221.789.627	1.063.154.623	91.566.678	15.484.846.024
Tại ngày 31/12/2018	<u>18.967.045.153</u>	<u>630.104.805</u>	<u>946.110.079</u>	<u>57.333.354</u>	<u>20.600.593.391</u>
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.700.560.321	2.186.531.475	-	521.627.094	30.408.718.890

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	877.402.000	1.425.873.503	485.613.887	113.300.000	2.902.189.390
Tại ngày 31/12/2018	877.402.000	1.425.873.503	485.613.887	113.300.000	2.902.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	877.402.000	1.425.873.503	324.813.887	113.300.000	2.741.389.390
Khấu hao trong năm	-	-	40.200.000	-	40.200.000
Tại ngày 31/12/2018	877.402.000	1.425.873.503	365.013.887	113.300.000	2.781.589.390
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	-	-	160.800.000	-	160.800.000
Tại ngày 31/12/2018	-	-	120.600.000	-	120.600.000
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2018 VND
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	1.768.796.785	1.453.565.101	3.222.361.886	-
Cải tạo sửa chữa mặt bằng khu vực bãi trả khách và khu vực xử lý nước thải	835.282.537	140.146.663	975.429.200	-
Công trình cải tạo khu vực mặt tiền Bến xe Miền Tây	1.796.343.709	821.535.781	2.617.879.490	-
Xây dựng phòng khách chờ xe và cải tạo sửa chữa nhà vệ sinh công cộng	-	154.834.036	-	154.834.036
Mở rộng nhà xe 02 bánh	16.363.636	290.247.091	-	306.610.727
Công trình lắp đặt mái che	-	1.929.571.391	1.929.571.391	-
Cải tạo, sửa chữa khối văn phòng làm việc hiện hữu	-	41.541.818	-	41.541.818
Tư vấn lập đề xuất "Xây dựng Bến xe Miền Tây mới"	90.909.091	-	-	90.909.091
Khoan khảo sát địa kỹ thuật "Khu nhà xe thành lối đi riêng cho xe buýt và văn phòng làm việc"	16.363.636	-	-	16.363.636
	4.524.059.394	4.831.441.881	8.745.241.967	610.259.308

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hòa Phú	7.552.000	7.089.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nam Nguyễn	44.208.905	-
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	852.445.892	-
Các nhà cung cấp khác	206.300.979	55.911.258
	<u>1.110.507.776</u>	<u>63.000.258</u>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	-	1.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Xây dựng TMDV Hùng Hiếu	-	10.999.991
Công ty TNHH Một Thành Viên Quang Phát	-	6.379.535
Các nhà cung cấp khác	724.386	837.752
	<u>724.386</u>	<u>19.217.278</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY
 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm		31/12/2018	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	761.011.792	-	12.221.096.366	(11.953.547.495)	1.028.560.663	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.639.827.655	-	16.793.448.366	(16.129.068.447)	4.304.207.574	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(3.401.867.040)	2.356.580.642	(1.443.700.536)	-	(2.488.986.934)
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	880.878.320	(880.878.320)	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
	4.400.839.447	(3.401.867.040)	32.255.003.694	(30.410.194.798)	5.332.768.237	(2.488.986.934)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	83.280.245.055	76.988.690.113
Điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
Các khoản điều chỉnh tăng	646.800.776	1.353.452.244
Các khoản điều chỉnh giảm	(200.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	83.727.045.831	78.342.142.357
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất thống thường	16.745.409.166	15.668.428.471
Thuế TNDN phải nộp bổ sung do hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	44.000.000	-
Thuế TNDN phải nộp	16.789.409.166	15.668.428.471
Tiền Thuế TNDN chậm nộp do hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	4.039.200	-
Chi phí thuế TNDN	16.793.488.366	15.668.428.471

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Hàm Nghi	-	41.666.666
Công ty TNHH Quảng cáo XNK Khải Minh	-	14.545.456
Công ty Cổ phần Quảng cáo Tương tác	27.291.562	28.252.135
Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng viễn thông Hòa Thuận Phát	9.156.293	-
	36.447.855	84.464.257

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV - Cổ tức phải trả	3.187.500.000	2.550.000.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline – Thu hộ tiền bán vé	9.243.500	14.121.750
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.062.500.000	2.450.000.000
Thu hộ tiền bán vé của các doanh nghiệp vận tải + Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	939.695.000	746.200.000
+ Các đối tượng khác	448.432.712	447.139.600
Kinh phí công đoàn	41.246.900	28.102.800
	7.688.618.112	6.235.564.150

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nhận ký quỹ dài hạn – Các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	41.985.000	41.985.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	13.770.000	13.770.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Xe khách Phương Trang Futa Buslines	602.145.000	602.145.000
Các đối tượng khác	3.024.933.039	2.756.475.197
	3.739.553.039	3.471.095.197

5.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2018 VND	Tăng quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2018 VND
Quỹ khen thưởng	4.356.821.074	5.597.293.589	(6.408.693.333)	3.545.421.330
Quỹ phúc lợi	2.524.440.279	5.587.233.589	(6.863.481.475)	1.248.192.393
Quỹ thưởng người quản lý Công ty	320.875.000	1.051.640.625	(1.069.930.625)	302.585.000
	7.202.136.353	12.236.167.803	(14.342.105.433)	5.096.198.723

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.18 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số đầu năm	800.000.000	600.000.000
Trích lập quỹ /(Hoàn nhập quỹ)	(200.000.000)	200.000.000
Số cuối năm	600.000.000	800.000.000

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2017	25.000.000.000	60.812.312.687	110.131.942.449	195.944.255.136
Lãi trong năm	-	-	61.320.261.641	61.320.261.641
Tạm trích lập quỹ:				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	12.235.333.015	(12.235.333.015)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(10.342.333.015)	(10.342.333.015)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(364.275.000)	(364.275.000)
Chia cổ tức	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư 31/12/2017	25.000.000.000	73.047.645.702	143.510.263.060	241.557.908.762
Số dư 01/01/2018	25.000.000.000	73.047.645.702	143.510.263.060	241.557.908.762
Lãi trong năm	-	-	66.490.835.889	66.490.835.889
Tạm trích lập quỹ (*):				
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	13.298.167.178	(13.298.167.178)	-
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	-	(11.174.467.178)	(11.174.467.178)
<i>Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty</i>	-	-	(368.625.000)	(368.625.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(6.250.000.000)	(6.250.000.000)
Số dư 31/12/2018	25.000.000.000	86.345.812.880	178.909.839.593	290.255.652.473

(*) Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 04 năm 2018.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Các cổ đông khác	9.745.000.000	39%	9.745.000.000	39%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận:

Công ty chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 căn cứ vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 04 năm 2018.

	VND
- Chia cổ tức	6.250.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	13.298.167.178

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	23.883.637	45.263.635
Doanh thu cung cấp dịch vụ	132.369.134.046	127.534.138.552
	132.393.017.683	127.579.402.187

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	2.338.101.189	2.345.730.143
Công ty Cổ Phần Xe Khách Sài Gòn	776.658.063	737.814.552
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	127.229.401	150.218.184
	3.241.988.653	3.233.762.879

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	12.695.782	23.899.200
Giá vốn cung cấp dịch vụ	57.885.209.746	54.316.137.171
	57.897.905.528	54.340.036.371

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	15.507.131.082	10.395.524.420
Lãi tiền cho vay	1.955.800.000	1.887.050.000
	17.462.931.082	12.282.574.420

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.011.743.308	9.307.489.278
Chi phí khấu hao	313.943.316	368.642.326
Chi phí điện	395.595.802	391.311.496
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	200.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.417.838.548	2.004.416.220
	12.139.120.974	12.271.859.320

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	12.449.942	585.909.091
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	23.376.365	36.427.272
Thu tiền điện, nước của doanh nghiệp khác	2.749.548.112	2.252.688.545
Thu nhập khác	731.510.250	1.546.599.914
	3.516.884.669	4.421.624.822

6.6 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	21.561.877	-
Chi phí khác	34.000.000	-
	55.561.877	-

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.490.835.889	62.003.277.266
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.543.092.178)	(11.389.623.640)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.947.743.711	50.613.653.626
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.979	20.245

6.8 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu	304.201.521	350.387.145
Chi phí nhân viên	54.005.353.800	49.950.329.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.090.230.136	4.211.509.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.384.838.494	7.740.464.643
Chi phí bằng tiền khác	4.252.402.551	4.359.785.147
	70.037.026.502	66.611.895.691

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Phải trả người bán	1.110.507.776	-	1.110.507.776
Các khoản phải trả khác	1.397.371.212	3.739.553.039	5.136.924.251
	2.507.878.988	3.739.553.039	6.247.432.027
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán	63.000.258	-	63.000.258
Các khoản phải trả khác	1.207.461.350	3.471.095.197	4.678.556.547
	1.270.461.608	3.471.095.197	4.741.556.805

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND	31/12/2018 VND	31/12/2017 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	10.475.890.924	4.707.855.633	10.475.890.924	4.707.855.633
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	182.439.718	157.944.818	182.439.718	157.944.818
Phải thu khác – Bên liên quan	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu cho vay – Bên liên quan	168.020.000	160.270.000	168.020.000	160.270.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	241.723.000.000	212.200.000.000	241.723.000.000	212.200.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.863.948.714	10.068.650.056	16.863.948.714	10.068.650.056
Tổng cộng	299.413.299.356	257.294.720.507	299.413.299.356	257.294.720.507
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	250.509.884	55.911.258	250.509.884	55.911.258
Phải trả người bán – Bên liên quan	7.552.000	7.089.000	7.552.000	7.089.000
Các khoản phải trả khác	5.136.924.251	4.678.556.547	5.136.924.251	4.678.556.547
Tổng cộng	5.394.986.135	4.741.556.805	5.394.986.135	4.741.556.805

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao Hội Đồng Quản trị	1.032.000.000	1.092.800.000
Lương và thưởng Ban Tổng Giám đốc	2.750.704.397	2.272.891.177
	3.782.704.397	3.365.691.177

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Lãi cho vay	1.955.800.000	1.887.050.000
	Chi trả cổ tức	2.550.000.000	2.550.000.000
	Mua phụ kiện, xe	-	1.387.393.400
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	2.338.101.189	2.345.730.143
	Thu hộ tiền bán vé	138.195.000	256.424.850
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	776.658.063	737.814.552
	Nhận cung cấp dịch vụ	4.198.411.364	2.414.800.000
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Mua hàng	75.414.199	82.953.000
Công ty Cổ phần Công Trình Giao Thông Quận 8	Nhận cung cấp dịch vụ	-	37.737.200
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	127.229.401	150.218.184

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Phải thu cho vay ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
	Phải thu lãi cho vay	168.020.000	160.270.000
	Phải trả cổ tức	(3.187.500.000)	(2.550.000.000)
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Phải thu thương mại	156.353.718	157.944.818
	Phải trả ngắn hạn khác	(9.243.500)	(14.121.750)
	Phải trả dài hạn khác	(41.985.000)	(41.985.000)
Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	(56.720.000)	(56.720.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Hòa Phú	Phải trả thương mại	(7.552.000)	(7.089.000)
Công ty TNHH Vận tải Ngôi Sao Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	(13.770.000)	(13.770.000)

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

8.3 Số liệu so sánh

Một vài số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại theo thông báo số 904/TB-KV IV ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV, các khoản trình bày lại như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2017 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	01/01/2018 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.400.423.031	123.636.363	4.524.059.394	(*)
2. Chi phí trả trước dài hạn	261	147.320.280	82.903.050	230.223.330	(*)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.337.896.602	62.942.845	4.400.839.447	(*)
4. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	7.885.151.978	(683.015.625)	7.202.136.353	(*)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	32.551.708.418	826.612.193	33.378.320.611	(*)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	Năm 2017 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2017 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Giá vốn hàng bán	11	54.534.615.784	(194.579.413)	54.340.036.371	(*)
2. Thu nhập khác	31	3.738.609.197	683.015.625	4.421.624.822	(*)
3. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	15.617.445.627	50.982.845	15.668.428.471	(*)
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19.915	330	20.245	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Mã số	Năm 2017 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2017 Số liệu sau điều chỉnh VND	Ghi chú
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76.794.110.700	877.595.038	77.671.705.738	(*)
2. Tăng giảm các khoản phải thu	09	(429.978.091)	(877.595.038)	(1.307.573.129)	(*)

(*) Điều chỉnh số liệu theo thông báo số 904/TB-KV IV ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

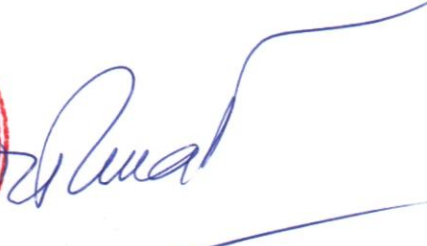
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



LÊ NGỌC ĐOÀN
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng

NGUYỄN NGỌC THƯA
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019